

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH SÓC TRĂNG**

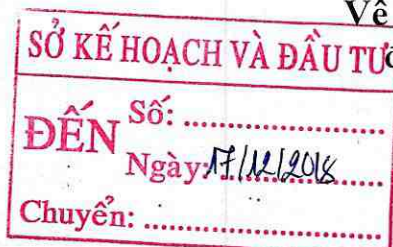
Số: 36/NQ-HĐND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Sóc Trăng, ngày 07 tháng 12 năm 2018

NGHỊ QUYẾT

Về việc điều chỉnh, bổ sung và phân bổ dự phòng kế hoạch đầu tư trung hạn giai đoạn 2016 - 2020 các nguồn vốn thuộc ngân sách địa phương quản lý



**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH SÓC TRĂNG
KHÓA IX, KỲ HỌP THỨ 12**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 18 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 77/2015/NĐ-CP ngày 10 tháng 9 năm 2015 của Chính phủ về kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm;

Căn cứ Nghị định số 120/2018/NĐ-CP ngày 13 tháng 9 năm 2018 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 77/2015/NĐ-CP ngày 10 tháng 9 năm 2015 của Chính phủ về kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm, số 136/2015/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2015 của Chính phủ về hướng dẫn thi hành một số điều của Luật đầu tư công và số 161/2016/NĐ-CP ngày 02 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ về cơ chế đặc thù trong quản lý đầu tư xây dựng đối với một số dự án thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2016 - 2020;

Căn cứ Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg ngày 14 tháng 9 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc Ban hành nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2016 - 2020;

Căn cứ Quyết định số 547/QĐ-TTg ngày 20 tháng 4 năm 2017 của Thủ tướng Chính phủ về việc giao chi tiết kế hoạch đầu tư trung hạn vốn ngân sách nhà nước giai đoạn 2016 - 2020;

Căn cứ Quyết định số 1291/QĐ-TTg ngày 29 tháng 8 năm 2017 của Thủ tướng Chính phủ về việc giao chi tiết kế hoạch đầu tư trung hạn vốn ngân sách nhà nước (bao gồm vốn trái phiếu Chính phủ) giai đoạn 2016 - 2020 (đợt 2);

Căn cứ Quyết định số 572/QĐ-BKHĐT ngày 20 tháng 4 năm 2017 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc giao chi tiết kế hoạch đầu tư trung hạn vốn ngân sách nhà nước giai đoạn 2016 - 2020;

Quyết định số 1178/QĐ-BKHĐT ngày 29 tháng 8 năm 2017 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc giao chi tiết kế hoạch đầu tư trung hạn vốn ngân sách nhà nước (bao gồm vốn trái phiếu Chính phủ) giai đoạn 2016 - 2020 (đợt 2);

Căn cứ Nghị quyết số 09/NQ-HĐND ngày 25 tháng 7 năm 2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh Sóc Trăng về việc giao kế hoạch đầu tư trung hạn vốn ngân sách nhà nước giai đoạn 2016 - 2020, tỉnh Sóc Trăng (đợt 1);

Căn cứ Nghị quyết số 12/NQ-HĐND ngày 21 tháng 8 năm 2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh Sóc Trăng về việc điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư trung hạn vốn ngân sách nhà nước giai đoạn 2016 - 2020 (đợt 1) và phân bổ kế hoạch đầu tư trung hạn vốn ngân sách nhà nước giai đoạn 2016 - 2020, tỉnh Sóc Trăng (đợt 2);

Căn cứ Nghị quyết số 19/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh Sóc Trăng về việc điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư trung hạn vốn ngân sách nhà nước giai đoạn 2016 - 2020 (đợt 1) và phân bổ kế hoạch đầu tư trung hạn vốn ngân sách nhà nước giai đoạn 2016 - 2020, tỉnh Sóc Trăng (đợt 3);

Xét Tờ trình số 106/TTr-UBND ngày 20 tháng 11 năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng về điều chỉnh, bổ sung và phân bổ dự phòng kế hoạch đầu tư trung hạn giai đoạn 2016 - 2020 các nguồn vốn thuộc ngân sách địa phương quản lý; báo cáo thẩm tra của Ban kinh tế - ngân sách; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Nhất trí điều chỉnh, bổ sung và phân bổ dự phòng kế hoạch đầu tư trung hạn giai đoạn 2016 - 2020 các nguồn vốn thuộc ngân sách địa phương quản lý, cụ thể như sau:

1. Điều chỉnh kế hoạch đầu tư trung hạn giai đoạn 2016 - 2020 của một số danh mục, dự án thuộc nguồn vốn cân đối ngân sách địa phương, thu tiền sử dụng đất và vốn xố số kiến thiết.

2. Phân bổ dự phòng kế hoạch đầu tư trung hạn giai đoạn 2016 - 2020 nguồn vốn cân đối ngân sách địa phương, thu tiền sử dụng đất và vốn xố số kiến thiết.

3. Bổ sung kế hoạch đầu tư trung hạn giai đoạn 2016 - 2020 nguồn vốn thu vượt xố số kiến thiết năm 2017.

(Chi tiết theo Biểu số 01, 02, 03, 04, 05 đính kèm)

Điều 2.

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết theo quy định pháp luật.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh theo chức năng, nhiệm vụ, thường xuyên giám sát việc triển khai thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Sóc Trăng khóa IX, kỳ họp thứ 12 thông qua./.

Nơi nhận:

- Ủy ban thường vụ Quốc hội;
- Ban Công tác đại biểu;
- Chính phủ;
- Văn phòng Quốc hội (bộ phận phía Nam);
- Văn phòng Chính phủ;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Các Bộ: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính;
- TT.TU, TT.HĐND, UBND, UBMTTQVN tỉnh;
- Đại biểu Quốc hội đơn vị tỉnh Sóc Trăng;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh;
- TT. HĐND, UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Công thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: VT.



CHỦ TỊCH

Lâm Văn Mẫn



ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ TRUNG HẠN NGUỒN VỐN CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG VÀ THU TIỀN SỬ DỤNG ĐẤT GIAI ĐOẠN 2016-2020

(Kèm theo Nghị quyết số 36/NQ-HĐND ngày 07/12/2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh Sóc Trăng)

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định chủ trương đầu tư			Quyết định đầu tư			Lũy kế vốn đã bố trí đến hết kế hoạch năm 2015		Kế hoạch đầu tư vốn NSDP và thu tiền sử dụng đất giai đoạn 2016-2020 đã được giao	Điều chỉnh kế hoạch đầu tư trung hạn vốn NSDP và thu tiền sử dụng đất trong tổng số chi tiết đã giao		Kế hoạch đầu tư vốn NSDP và thu tiền sử dụng đất giai đoạn 2016-2020 sau điều chỉnh	Ghi chú
					Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP (tính quản lý, hỗ trợ)	Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP (tính quản lý, hỗ trợ)	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP (tính quản lý, hỗ trợ)		Điều chỉnh giảm (-)	Điều chỉnh tăng (+)		
TỔNG SỐ																	
									2.072.896	1.058.026	309.077	80.199	380.235	-42.187	42.187	380.235	
A	PHÂN CẤP NGÂN SÁCH TỈNH								2.072.896	1.058.026	309.077	80.199	380.235	-42.187	42.187	380.235	
A.1	NGÂN SÁCH TỈNH QUẢN LÝ								2.045.896	1.031.026	309.077	80.199	315.685	-25.827	42.187	332.045	
1	Nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy lợi và thủy sản								525.929	48.276	134.777	199	21.515	-9.610	10.130	22.035	
	<i>Dự án chuyển tiếp</i>								525.929	48.276	134.777	199	21.515	-9.610	10.130	22.035	
1	Dự án Đề biến từ cầu Mỹ Thanh 2 đến ranh Bạc Liêu (đoạn cầu Mỹ Thanh 2 đến Trà Sét), TXVC (giai đoạn 1)	Vĩnh Châu	51.445m	2015-2019				1146/QĐHC-CTUBND, 28/10/2014	149.986	21.486	30.000		6.485	-6.485			
2	Dự án Nguồn lợi ven biển vì sự phát triển bền vững tỉnh Sóc Trăng	TPST, TP, CLD, MX, TXVC	04 Hợp phần A,B,C,D	2012-2017				698/QĐ-BNN-HTQT 30/3/2012; 71/QĐHC-CTUBND, 04/02/2013	289.013	16.358	87.277	199	10.630		10.130	20.760	
3	Cải tạo và nâng cấp HTTL phục vụ nuôi trồng thủy sản, huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng	CLD		2015-2019				1177/QĐHC-CTUBND, 31/10/2014	86.930	10.432	17.500		4.400	-3.125		1.275	
II	Công nghiệp								8.664	8.664	-	-	7.800	-515	-	7.285	
	<i>Dự án khởi công mới</i>								8.664	8.664	-	-	7.800	-515	-	7.285	
1	Sân lắp mặt bằng kêu gọi đầu tư tỉnh Sóc Trăng	TPST	61.843 m2	2017-2018	3181/QĐ-UBND, 27/12/2016	8.700	8.700	63/QĐ-UBND, 11/01/2017	8.664	8.664			7.800	-515		7.285	
III	Giao thông								1.502.103	964.886	174.300	80.000	277.170	-15.299	29.184	291.055	
	<i>Dự án chuyển tiếp</i>								112.711	22.712	44.300	-	17.911	-3.170	-	14.741	
1	Dự án đầu tư xây dựng công trình Đường huyện 50, huyện Mỹ Xuyên	Mỹ Xuyên	26,4 km và 15 cầu	2014-2018				1051/QĐHC-CTUBND, 25/10/2013 734/QĐ-UBND, 01/4/2015	112.711	22.712	44.300		17.911	-3.170		14.741	
	<i>Dự án khởi công mới</i>								1.389.392	942.174	130.000	80.000	259.259	-12.129	29.184	276.314	
2	Rả phá bom mìn, vật nổ công trình xây dựng các cầu dân sinh trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng (dự án LRAMP)	Các huyện	57 cầu	2017-2018	2529/QĐ-TTg, 31/12/2015 622/QĐ-BGTVT, 02/3/2016			1926/QĐ-UBND, 08/8/2017	1.195	1.195			1.314	-119		1.195	- Đối ứng dự án Bộ Giao thông Vận tải. - Điều chỉnh kế hoạch trung hạn và tên danh mục "Đối ứng rà phá bom mìn để xây dựng các cầu dân sinh"



TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định chủ trương đầu tư			Quyết định đầu tư			Lũy kế vốn đã bố trí đến hết kế hoạch năm 2015		Kế hoạch đầu tư vốn NSDP và thu tiền sử dụng đất giai đoạn 2016-2020 đã được giao	Điều chỉnh kế hoạch đầu tư trung hạn vốn NSDP và thu tiền sử dụng đất trong tổng số chi tiết đã giao		Kế hoạch đầu tư vốn NSDP và thu tiền sử dụng đất giai đoạn 2016-2020 sau điều chỉnh	Ghi chú
					Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP (tính quản lý, hỗ trợ)	Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP (tính quản lý, hỗ trợ)	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP (tính quản lý, hỗ trợ)		Điều chỉnh giảm (-)	Điều chỉnh tăng (+)		
3	Đường vào khu di tích căn cứ Tỉnh ủy Sóc Trăng	Mỹ Tú	5,6km	2017-2018	2657/QĐ-UBND, 31/10/2016	27.600	27.600	3272/QĐ-UBND, 31/10/2016	27.595	27.595			28.025	-90		27.935	
4	Xây dựng tuyến đê bao ngăn mặn và đường phục vụ an ninh quốc phòng, ứng cứu tàu thuyền vùng biển huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng	TPST, Trần Đề	20,8km đường	2014-2018				1046/QĐHC-CTUBND, 23/10/2013	979.373	759.373	130.000	80.000	150.860	-860		150.000	
5	Mở rộng Đường Lê Hồng Phong (đoạn từ Chợ Mùa Xuân đến Ngã ba Trạm máy kéo)	TPST	3.175,3m	2018-2020	48/HĐND-VP, 08/3/2017	207.229	99.783	746/QĐ-UBND, 07/4/2017	207.229	99.783			79.060	-11.060		68.000	
6	Dự án Nâng cấp, mở rộng cảng cá Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng	Trần Đề	Đáp ứng 160 lượt tàu công suất 600CV; lượng thủy sản qua cảng 50.000 tấn/năm	2019-2020	1112/QĐ-BNN-KH, 31/3/2017			4355/QĐ-BNN-TCTS, 27/10/2017	174.000	54.228					29.184	29.184	Đổi ứng dự án Bộ Nông nghiệp và PTNT
IV	Quản lý Nhà nước								9.200	9.200	-	-	9.200	-403	-	8.797	
	Dự án khởi công mới								9.200	9.200	-	-	9.200	-403	-	8.797	
1	Trụ sở Ban Quản lý dự án 2 tỉnh Sóc Trăng	TPST	1.020 m2	2017-2018	481/QĐ-UBND, 08/3/2017	9.200	9.200	1600/QĐ-UBND, 05/7/2017	9.200	9.200			9.200	-403		8.797	
V	Khác								-	-	-	-	-	-	2.873	2.873	
1	Chuẩn bị đầu tư														2.873	2.873	Kế hoạch năm 2017 đã kết dư ngân sách
A.2	NGÂN SÁCH TỈNH TRỢ CẤP CHO NS CÁC HUYỆN, TX, TP								27.000	27.000	-	-	64.550	-16.360	-	48.190	
I	Nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy lợi và thủy sản								-	-	-	-	6.490	-6.490	-	-	
	Dự án khởi công mới								-	-	-	-	6.490	-6.490	-	-	
1	Cụm trạm Khuyến nông, Khuyến ngư, Bảo vệ thực vật, Thú y huyện Mỹ Tú	Mỹ Tú	194 m2	2018-2020	4473/QĐ-UBND, 22/11/2017	3.644	3.644						3.640	-3.640			
2	Cụm trạm Khuyến nông, Khuyến ngư, Bảo vệ thực vật, Thú y thành phố Sóc Trăng	TPST	203,9 m2	2018-2020	5707/QĐ-UBND, 22/11/2017	2.859	2.859						2.850	-2.850			
II	Giao thông								27.000	27.000	-	-	27.000	-	550	-	26.450
	Dự án chuyển tiếp								27.000	27.000	-	-	27.000	-	550	-	26.450
1	GPMB thực hiện dự án Cầu Ông Diệp trên tuyến hành lang đường thủy số 3, Hợp phần B, dự án WB5 (Dự án cầu Ông Diệp trên Đường tỉnh 934), huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng	Mỹ Xuyên		2016-2017	817/QĐ-BGTVT, 17/3/2016			1521/QĐ-UBND, 21/4/2016	27.000	27.000			27.000	-550		26.450	- Đổi ứng dự án Bộ Giao thông Vận tải. - Điều chỉnh kế hoạch trung hạn và tên danh mục "Đổi ứng GPMB Cầu Ông Diệp"
III	Xã hội								-	-	-	-	31.060	-9.320	-	21.740	

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định chủ trương đầu tư			Quyết định đầu tư			Lũy kế vốn đã bố trí đến hết kế hoạch năm 2015		Kế hoạch đầu tư vốn NSDP và thu tiền sử dụng đất giai đoạn 2016-2020 đã được giao	Điều chỉnh kế hoạch đầu tư trung hạn vốn NSDP và thu tiền sử dụng đất trong tổng số chi tiết đã giao		Kế hoạch đầu tư vốn vốn NSDP và thu tiền sử dụng đất giai đoạn 2016-2020 sau điều chỉnh	Ghi chú
					Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP (tính quản lý, hỗ trợ)	Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP (tính quản lý, hỗ trợ)	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP (tính quản lý, hỗ trợ)		Điều chỉnh giảm (-)	Điều chỉnh tăng (+)		
1	Hỗ trợ về nhà ở cho người có công với cách mạng theo Quyết định số 22/2013/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ	Các huyện, TX, TP										31.060	-9.320		21.740		







ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ TRUNG HẠN NGUỒN VỐN XỔ SỞ KIẾN THIẾT GIAI ĐOẠN 2017-2020
(Kèm theo Nghị quyết số 36/NQ-HĐND ngày 07/12/2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh Sóc Trăng)

Biểu số 02

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định chủ trương đầu tư			Quyết định đầu tư			Lũy kế vốn đã bố trí đến hết kế hoạch năm 2016		Kế hoạch đầu tư vốn XSKT giai đoạn 2017-2020 đã được giao	Điều chỉnh kế hoạch đầu tư trung hạn vốn XSKT trong tổng số chi tiết đã giao		Kế hoạch đầu tư vốn XSKT giai đoạn 2017-2020 sau điều chỉnh	Ghi chú
					Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: XSKT (tính quản lý, hỗ trợ)	Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: XSKT (tính quản lý, hỗ trợ)	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: XSKT (tính quản lý, hỗ trợ)		Điều chỉnh giảm (-)	Điều chỉnh tăng (+)		
	TỔNG SỐ							572.552	105.436		-	-	81.745	-73.547	73.547	81.745	
A	PHÂN CẤP NGÂN SÁCH TỈNH							572.552	105.436		-	-	81.745	-73.547	73.547	81.745	
A.1	NGÂN SÁCH TỈNH QUẢN LÝ							572.552	105.436		-	-	81.745	-73.547	73.547	81.745	
I	Giáo dục, đào tạo và giáo dục nghề nghiệp							22.262	22.262		-	-	28.223	-20.025	10.910	19.108	
	<i>Dự án khởi công mới</i>							22.262	22.262		-	-	28.223	-20.025	10.910	19.108	
1	Cải tạo nâng cấp Trường THPT Mai Thanh Thế	Ngã Năm		2017	1714/QĐ-UBND, 25/7/2016	9.249	9.249	2652/QĐ-UBND, 31/10/2016	9.109	9.109			8.198		910	9.108	
2	Cải tạo, sửa chữa khối ký túc xá B, khối nhà học A, B, khối văn phòng và khối nhà đa năng thuộc Trường Cao đẳng Sư phạm Sóc Trăng	Mỹ Xuyên	Khối KTX, nhà học, VP, Nhà đa năng	2018-2020	2581/QĐ-UBND, 11/10/2017	13.200	13.200	2776/QĐ-UBND, 30/10/2017	13.153	13.153			13.150	-13.150			
3	Nâng cấp, cải tạo Trung tâm giáo dục thường xuyên tỉnh Sóc Trăng	TPST	Khối phòng học, hội trường, sân đường thoát nước và các hạng mục khác	2018-2020	2950/QĐ-UBND, 22/11/2017	6.875	6.875						6.875	-6.875			
4	Cải tạo, nâng cấp cơ sở vật chất Trường Chính trị tỉnh Sóc Trăng	TPST		2019-2020	3035/QĐ-UBND, 13/11/2018	10.000	10.000								10.000	10.000	
II	Chương trình ứng phó với biến đổi khí hậu và tăng trưởng xanh							550.290	83.174		-	-	-	-	50.260	50.260	
	<i>Dự án khởi công mới</i>							550.290	83.174		-	-	-	-	50.260	50.260	
1	Dự án trồng rừng phòng hộ bảo vệ đề sông, để biên giai đoạn 2016-2020	Cù Lao Dung, Trần Đề, Vĩnh Châu,	Trồng 470 ha	2018-2020	37/HĐND-VP, 21/3/2018	134.867	8.145	2855/QĐ-UBND, 29/10/2018	133.861	8.001					8.000	8.000	CV8836/BKH ĐT-TH ngày 24/10/2016
2	Nâng cấp đê biển kết hợp xây dựng hệ thống ngăn mặn từ cầu Mỹ Thanh 2 đến ranh Bạc Liêu (đoạn từ Trà Sết đến ranh Bạc Liêu)	Vĩnh Châu	33,160km	2019-2020	35/HĐND-VP, 21/3/2018	263.564	42.751	2647/QĐ-UBND, 10/10/2018	263.564	42.751					9.840	9.840	CV8836/BKH ĐT-TH ngày 24/10/2017

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định chủ trương đầu tư			Quyết định đầu tư			Lũy kế vốn đã bỏ trí đến hết kế hoạch năm 2016		Kế hoạch đầu tư vốn XSKT giai đoạn 2017-2020 đã được giao	Điều chỉnh kế hoạch đầu tư trung hạn vốn XSKT trong tổng số chi tiết đã giao		Kế hoạch đầu tư vốn XSKT giai đoạn 2017-2020 sau điều chỉnh	Ghi chú
					Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: XSKT (tính quản lý, hỗ trợ)	Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: XSKT (tính quản lý, hỗ trợ)	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: XSKT (tính quản lý, hỗ trợ)		Điều chỉnh giảm (-)	Điều chỉnh tăng (+)		
3	Xây dựng hệ thống công ngăn mặn và kênh trục thủy lợi tạo nguồn trữ ngọt các địa bàn xung yếu tỉnh Sóc Trăng	Long Phú, Trần Đề, Thạnh Trị, Ngã Năm, Vĩnh Châu	83,753km	2019-2020	36/HĐND-VP, 21/3/2018	152.865	32.422	2648/QĐ-UBND, 10/10/2018	152.865	32.422					32.420	32.420	CV8836/BKH ĐT-TH ngày 24/10/2018
IV	Khác								-	-	-	53.522	-53.522	12.377	12.377		
1	Đổi ứng ODA											53.522	-53.522				
2	Chuẩn bị đầu tư													12.377	12.377		



PHÂN BỐ DỰ PHÒNG NGUỒN VỐN CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG VÀ THU TIỀN SỬ DỤNG ĐẤT GIAI ĐOẠN 2016-2020

(Kèm theo Nghị quyết số 36/NQ-HĐND ngày 07/12/2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh Sóc Trăng)

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định chủ trương đầu tư			Quyết định đầu tư			Lũy kế vốn đã bố trí đến hết kế hoạch năm 2015		Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2016-2020	Ghi chú
					Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP (tính quản lý, hỗ trợ)	Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP (tính quản lý, hỗ trợ)	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP (tính quản lý, hỗ trợ)		
	TỔNG SỐ												419.686	
A	PHÂN CẤP NGÂN SÁCH TỈNH												267.796	
A.1	NGÂN SÁCH TỈNH QUẢN LÝ												241.966	
I	Giao thông												130.333	
	<i>Dự án khởi công mới</i>												130.333	
1	Dự án Mở rộng nâng cấp đô thị Việt Nam - Tiểu dự án Thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng	TPST	4 hợp phần	2017-2022	363/QĐ-TTg 23/3/2017	1.056.573	140.000	642/QĐ-UBND, 27/3/2017	1.056.573	140.000			55.713	Đối ứng ODA
2	Dự án Nâng cấp, mở rộng cảng cá Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng	Trần Đề	Đáp ứng 160 lượt tàu công suất 600CV; lượng thủy sản qua cảng 50.000 tấn/năm	2019-2020	1112/QĐ-BNN-KH, 31/3/2017			4355/QĐ-BNN-TCTS, 27/10/2017	174.000	54.228			19.620	- Đối ứng DA Bộ Nông nghiệp và PTNT - Kết hợp điều chỉnh KH trung và phân bổ dự phòng vốn đối ứng bố trí đạt 90% tổng vốn đối ứng trong TMĐT được Bộ NN và PTNT phê duyệt.
3	Cải tạo, nâng cấp Đường vào khu căn cứ Bưng Kiển Vàng xã Nhơn Mỹ - huyện Kế Sách	Kế Sách	6,590 km	2019-2020	3031/QĐ-UBND, 13/11/2018	29.687	20.000						18.000	
4	Nâng cấp Đường liên xã Phú Mỹ - Mỹ Thuận, huyện Mỹ Tú (Đường huyện 89)	Mỹ Tú	5.400 m	2019-2020	3032/QĐ-UBND, 13/11/2018	20.000	20.000						18.000	
5	Đường huyện 42, thị xã Vĩnh Châu	Vĩnh Châu	12,9 km	2019-2020	3033/QĐ-UBND, 13/11/2018	23.120	21.200						19.000	
II	Cấp nước, thoát nước và xử lý rác thải, nước thải												21.200	
	<i>Dự án chuyển tiếp</i>												21.200	
1	Dự án Nhà máy xử lý chất rắn TPST và các vùng lân cận tỉnh Sóc Trăng	Mỹ Tú		2009-2018				18/QĐHC-CTUBND, 17/01/2013 và 1230/QĐHC-CTUBND, 03/12/2013	215.949				21.200	Đang điều chỉnh cơ cấu vốn giữa ODA và vốn đối ứng của do chênh lệch tỷ giá, chênh lệch kế hoạch vốn giữa phần vốn nước ngoài cấp phát từ ngân sách trung ương và phần vay lại theo cam kết giữa UBND tỉnh với Bộ Tài chính tại biên bản ngày 23/08/2018.
III	Quản lý nhà nước												42.433	
	<i>Dự án khởi công mới</i>												42.433	
1	Cải tạo, nâng cấp Trụ sở làm việc Văn phòng UBND tỉnh Sóc Trăng	TPST		2019-2020	Nghị quyết số 28/NQ-HĐND ngày 07 tháng 12 năm 2018 của HĐND tỉnh Sóc Trăng	47.148	47.148						42.433	
IV	Khác												48.000	

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định chủ trương đầu tư			Quyết định đầu tư			Lũy kế vốn đã bỏ trí đến hết kế hoạch năm 2015		Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2016-2020	Ghi chú
					Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP (tính quản lý, hỗ trợ)	Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP (tính quản lý, hỗ trợ)	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP (tính quản lý, hỗ trợ)		
1	Lập Quy Phát triển đất (30% nguồn thu tiền sử dụng đất) và bố trí DA cơ sở dữ liệu địa chính (10% nguồn thu tiền sử dụng đất) giai đoạn 2017-2020					8.000	8.000					8.000		
2	Quy hoạch tỉnh Sóc Trăng thời kỳ 2021-2030					40.000	40.000					40.000		
A.2	NGÂN SÁCH TỈNH TRỢ CẤP CHO NS CÁC HUYỆN											25.830		
I	Giao thông											25.830		
	<i>Khởi công mới</i>											25.830		
1	Cải tạo nâng cấp Đường huyện 53, huyện Mỹ Xuyên	Mỹ Xuyên	4.570,5 m	2019-2020	3468/QĐ-UBND, 13/11/2018	12.244	12.244					12.244		
2	Nâng cấp, cải tạo Đường 30/4, huyện Trần Đề	Trần Đề	1.300 m	2019-2020	3406/QĐ-UBND, 13/11/2018	5.150	4.590					4.590		
3	Đường vào Khu Lung Sen, xã Long Hưng, huyện Mỹ Tú	Mỹ Tú	2.200 m	2019-2020	4732/QĐ-UBND, 13/11/2018	4.264	4.000					4.000		
4	Đường khu du lịch Hồ Bè	Vĩnh Châu	600 m	2019-2020	119/QĐ-UBND, 13/11/2018	5.544	5.000					5.000		
B	PHÂN CẤP NGÂN SÁCH HUYỆN, THỊ XÃ, THÀNH PHỐ											151.890		
	Cân đối ngân sách địa phương											139.890		
	Thu tiền sử dụng đất											12.000		
1	Thành phố Sóc Trăng											24.070		
a	Cân đối ngân sách địa phương											18.070		
b	Thu tiền sử dụng đất											6.000		
2	Thị xã Vĩnh Châu											16.695		
a	Cân đối ngân sách địa phương											15.495		
b	Thu tiền sử dụng đất											1.200		
3	Thị xã Ngã Năm											11.175		
a	Cân đối ngân sách địa phương											9.975		
b	Thu tiền sử dụng đất											1.200		
4	Huyện Cù Lao Dung											9.280		
a	Cân đối ngân sách địa phương											9.040		
b	Thu tiền sử dụng đất											240		
5	Huyện Kế Sách											15.060		
a	Cân đối ngân sách địa phương											14.580		
b	Thu tiền sử dụng đất											480		
6	Huyện Long Phú											12.435		
a	Cân đối ngân sách địa phương											12.075		
b	Thu tiền sử dụng đất											360		
7	Huyện Mỹ Tú											12.270		
a	Cân đối ngân sách địa phương											11.790		
b	Thu tiền sử dụng đất											480		
8	Huyện Mỹ Xuyên											14.460		
a	Cân đối ngân sách địa phương											13.860		
b	Thu tiền sử dụng đất											600		
9	Huyện Châu Thành											10.380		
a	Cân đối ngân sách địa phương											9.900		
b	Thu tiền sử dụng đất											480		
10	Huyện Thạnh Trị											11.735		
a	Cân đối ngân sách địa phương											11.375		
b	Thu tiền sử dụng đất											360		
11	Huyện Trần Đề											14.330		
a	Cân đối ngân sách địa phương											13.730		

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định chủ trương đầu tư			Quyết định đầu tư			Lũy kế vốn đã bố trí đến hết kế hoạch năm 2015		Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2016-2020	Ghi chú
					Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP (tính quản lý, hỗ trợ)	Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP (tính quản lý, hỗ trợ)	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP (tính quản lý, hỗ trợ)		
b	Thu tiền sử dụng đất												600	





PHẦN BỐN: PHÒNG NGUỒN VỐN XỐ SỔ KIẾN THIẾT GIAI ĐOẠN 2017-2020

Kế hoạch Nghị quyết số 36/NQ-HĐND ngày 07/12/2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh Sóc Trăng

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-TH	Quyết định chủ trương đầu tư			Quyết định đầu tư			Lấy kế vốn đã bố trí đến hết kế hoạch năm 2016		Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2017-2020	Ghi chú
					Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: XSKT (tính quản lý, hỗ trợ)	Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: XSKT (tính quản lý, hỗ trợ)	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: XSKT (tính quản lý, hỗ trợ)		
	TỔNG SỐ					487.681	265.542						241.200	
A	NGÂN SÁCH TỈNH QUẢN LÝ					448.515	227.702	-	278.559	46.746	-	-	203.360	
I	Chương trình ứng phó với biến đổi khí hậu và tăng trưởng xanh					263.564	42.751	-	263.564	42.751	-	-	32.910	
	<i>Dự án khởi công mới</i>					263.564	42.751	-	263.564	42.751	-	-	32.910	
1	Nâng cấp để biến kết hợp xây dựng hệ thống ngăn mặn từ cầu Mỹ Thanh 2 đến ranh Bạc Liêu (đoạn từ Trà Sết đến ranh Bạc Liêu)	Vĩnh Châu	33,160km	2019-2020	35/HĐND-VP, 21/3/2018	263.564	42.751	2647/QĐ-UBND, 10/10/2018	263.564	42.751			32.910	Đổi ứng ODA
II	Giáo dục, đào tạo và giáo dục nghề nghiệp					184.951	184.951	-	14.995	3.995	-	-	170.450	
	<i>Dự án khởi công mới</i>					184.951	184.951	-	14.995	3.995	-	-	170.450	
1	Nâng cấp cơ sở vật chất Trường THPT Văn Ngọc Chính	Mỹ Xuyên	20 phòng học	2019-2020	3034/QĐ-UBND, 13/11/2018	34.951	34.951						31.455	
2	Chương trình phát triển giáo dục trung học giai đoạn 2	Vĩnh Châu, Cù Lao Dung		2019-2020	1534/QĐ-TTg, 03/8/2016			2681/QĐ-BGDĐT, 04/8/2016 2875/QĐ-UBND, 30/10/2018	14.995	3.995			3.995	Đổi ứng ODA
3	Xây dựng, nâng cấp nhà vệ sinh đạt chuẩn cho các trường học trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng	Các huyện, TX, TP	1.632 phòng vệ sinh	2019-2020	Nghị quyết số 30/NQ-HĐND ngày 07 tháng 12 năm 2018 của HĐND tỉnh Sóc Trăng	70.000	70.000						63.000	
4	Hệ thống lọc nước uống cho các trường học trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng	Các huyện, TX, TP	Cho 166 trường học; công suất 1 hệ thống lọc từ 2000-5000 lít/ngày	2019-2020	Nghị quyết số 31/NQ-HĐND ngày 07 tháng 12 năm 2018 của HĐND tỉnh Sóc Trăng	80.000	80.000						72.000	
B	NGÂN SÁCH TỈNH TRỢ CẤP CHO NS CÁC HUYỆN					39.166	37.840	-	-	-	-	-	37.840	
I	Giáo dục, đào tạo và giáo dục nghề nghiệp					39.166	37.840	-	-	-	-	-	37.840	
	<i>Dự án khởi công mới</i>					39.166	37.840	-	-	-	-	-	37.840	
1	Nâng cấp, cải tạo trường Mầm non Hoa Phượng thành trường Tiểu học Phường 1, thành phố Sóc Trăng	TPST	21 phòng	2019-2020	2069/QĐ-UBND, 13/11/2018	8.366	7.500						7.500	
2	Nâng cấp, sửa chữa xây dựng Trường tiểu học Tài Văn 2, xã Tài Văn, huyện Trần Đề	Trần Đề	16 phòng học và các hạng mục khác	2019-2020	3407/QĐ-UBND, 13/11/2018	7.500	7.500						7.500	

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định chủ trương đầu tư			Quyết định đầu tư			Lũy kế vốn đã bố trí đến hết kế hoạch năm 2016		Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2017-2020	Ghi chú
					Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: XSKT (tính quản lý, hỗ trợ)	Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: XSKT (tính quản lý, hỗ trợ)	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: XSKT (tính quản lý, hỗ trợ)		
3	Cải tạo nâng cấp Trường tiểu học An Hiệp C, xã An Hiệp, huyện Châu Thành	Châu Thành	Khởi phục vụ học tập, hành chính quản trị, sân đường, thoát nước	2019-2020	1369/QĐ-UBND, 13/11/2018	7.500	7.500						7.500	
4	Trường tiểu học Lâm Kiết, xã Lâm Kiết, huyện Thanh Trì	Thanh Trì	16 phòng học	2019-2020	76/QĐ-UBND, 12/11/2018	8.530	8.070						8.070	
5	Trường tiểu học Mỹ Quới 1, xã Mỹ Quới, thị xã Ngã Năm	Ngã Năm	10 phòng học	2019-2020	303/QĐXD-UBND, 13/11/2018	7.270	7.270						7.270	



Biểu số 05

BỘ SUNG KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ TRUNG HẠN GIAI ĐOẠN 2017 - 2020 TỪ NGUỒN VỐN THU VƯỢT XỔ SỔ KIẾN THIẾT NĂM 2017

(Kèm theo Nghị quyết số 36/NQ-HĐND ngày 07/12/2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh Sóc Trăng)

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định chủ trương đầu tư			Quyết định đầu tư			Lũy kế vốn đã bố trí đến hết kế hoạch năm 2016		Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2017-2020	Ghi chú
					Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: XSKT (tính quản lý, hỗ trợ)	Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: XSKT (tính quản lý, hỗ trợ)	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: XSKT (tính quản lý, hỗ trợ)		
	TỔNG SỐ								-	-	-	-	96.740	
I	Giáo dục, đào tạo và giáo dục nghề nghiệp								-	-	-	-	96.740	
	<i>Dự án khởi công mới</i>								-	-	-	-	96.740	
1	Trường THPT Phan Văn Hùng	Kế sách	1.200 học sinh	2019-2020	Nghị quyết số 34/NQ-HĐND ngày 07 tháng 12 năm 2018 của HĐND tỉnh Sóc Trăng	55.180	55.180						48.950	
2	Trường THPT Lê Văn Tám	Ngã Năm	1.000 học sinh	2019-2020	Nghị quyết số 29/NQ-HĐND ngày 07 tháng 12 năm 2018 của HĐND tỉnh Sóc Trăng	54.144	54.144						47.790	